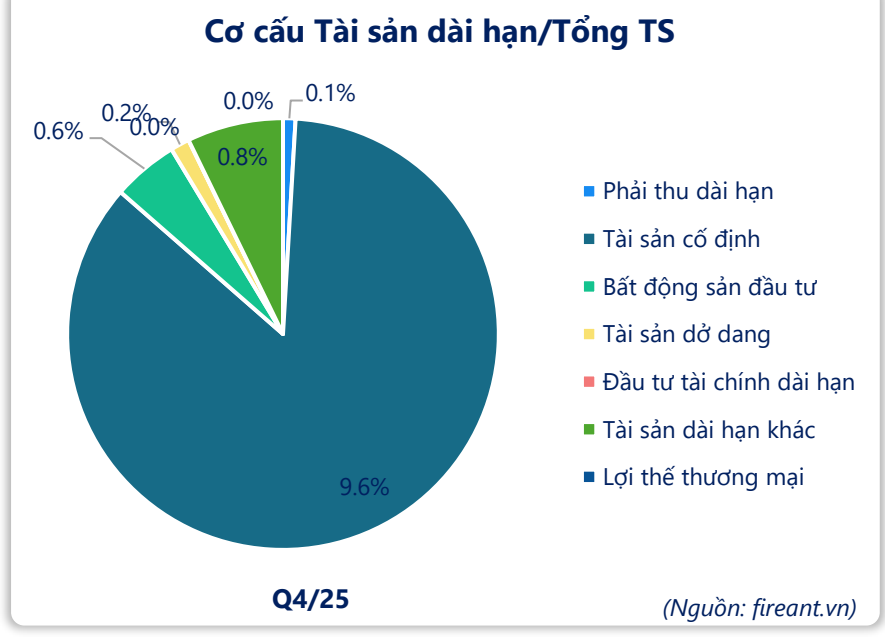
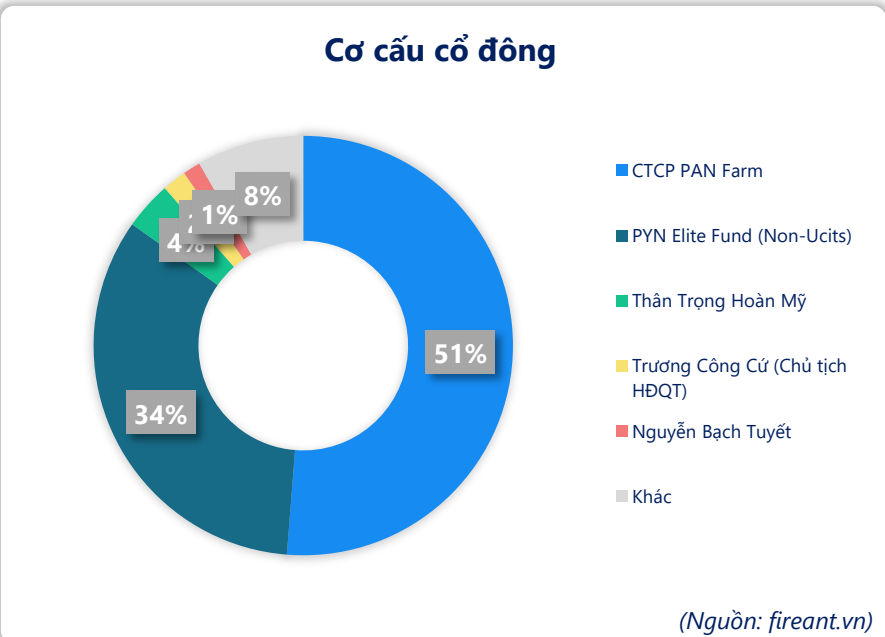
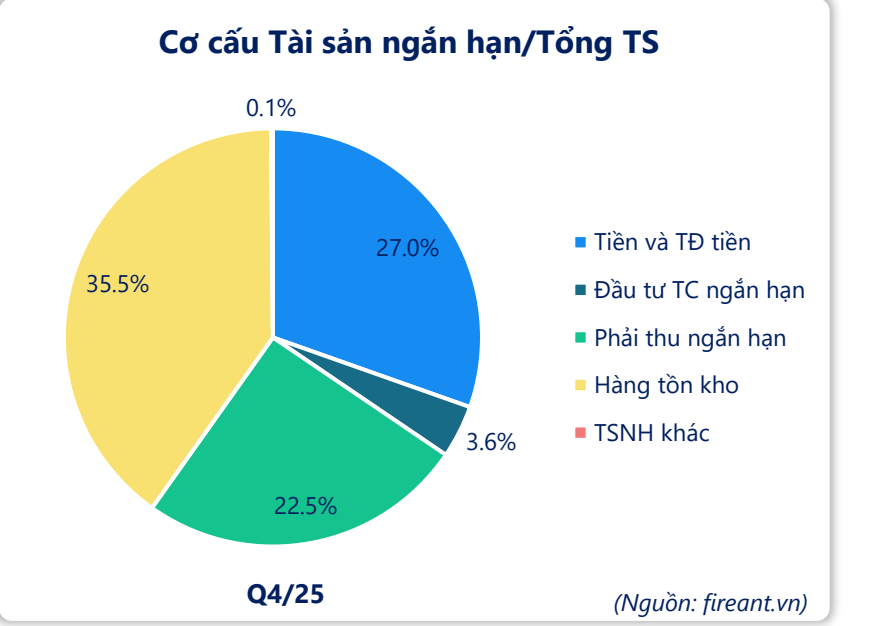
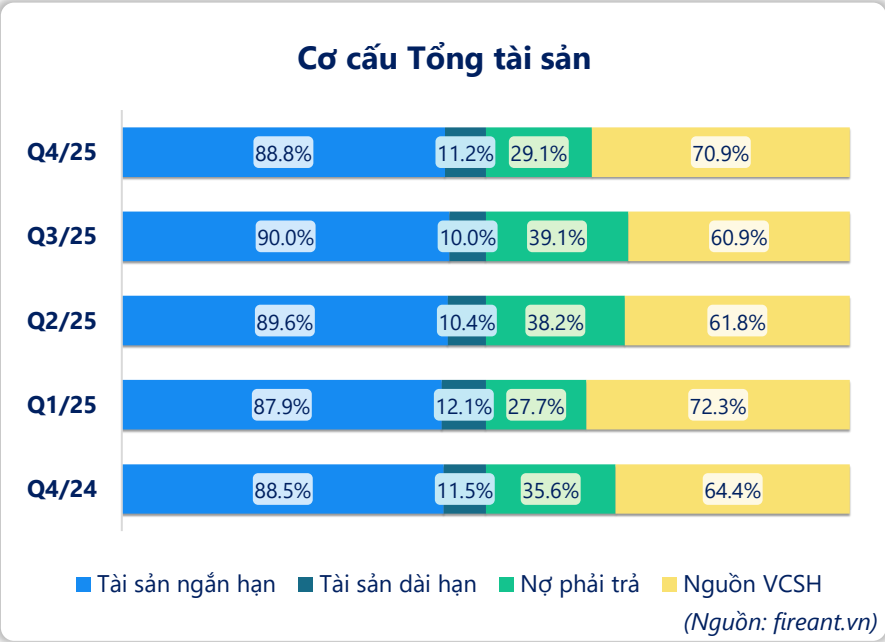
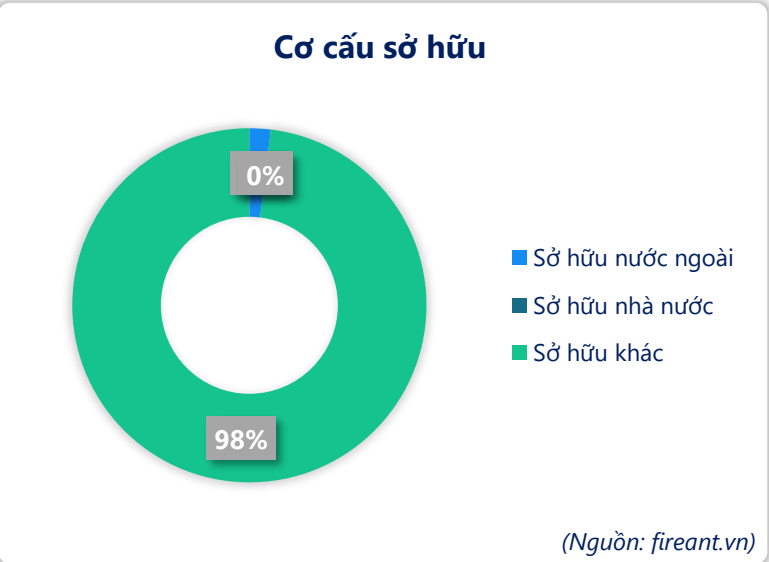
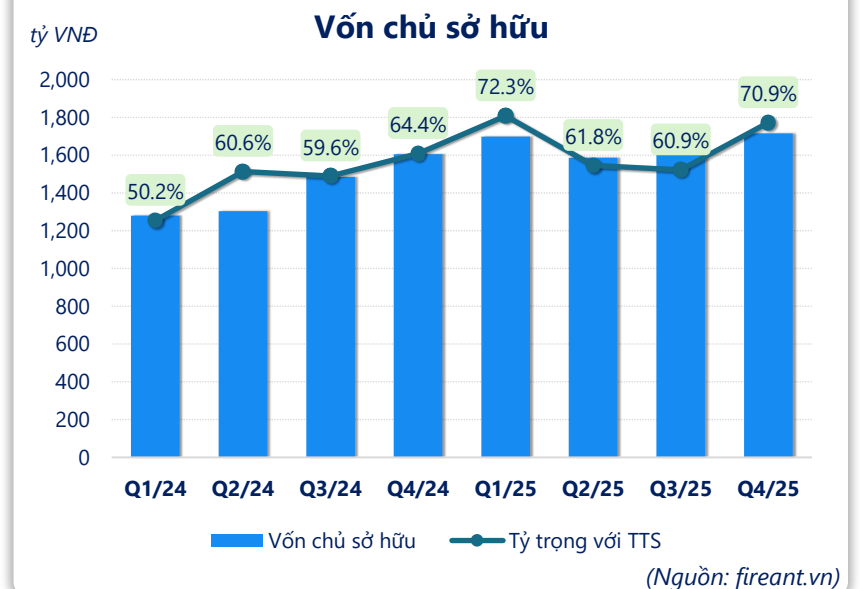
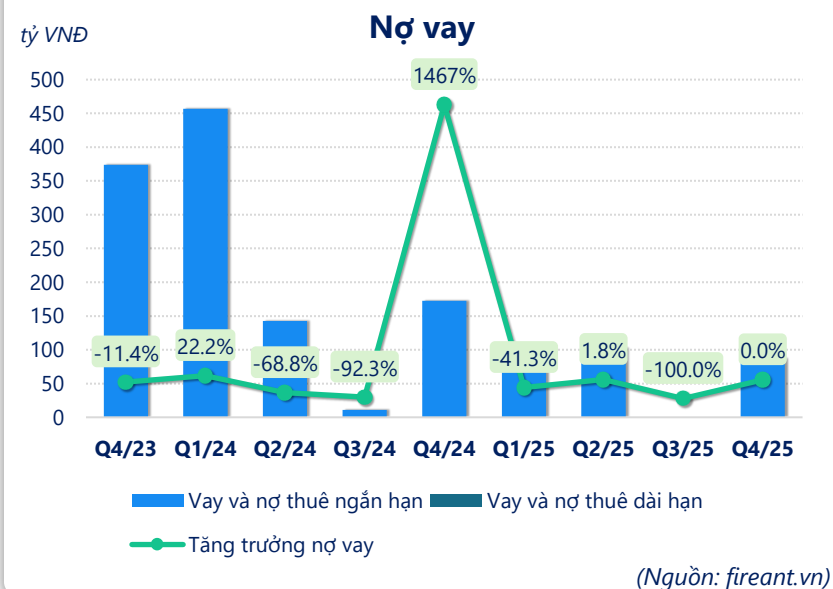
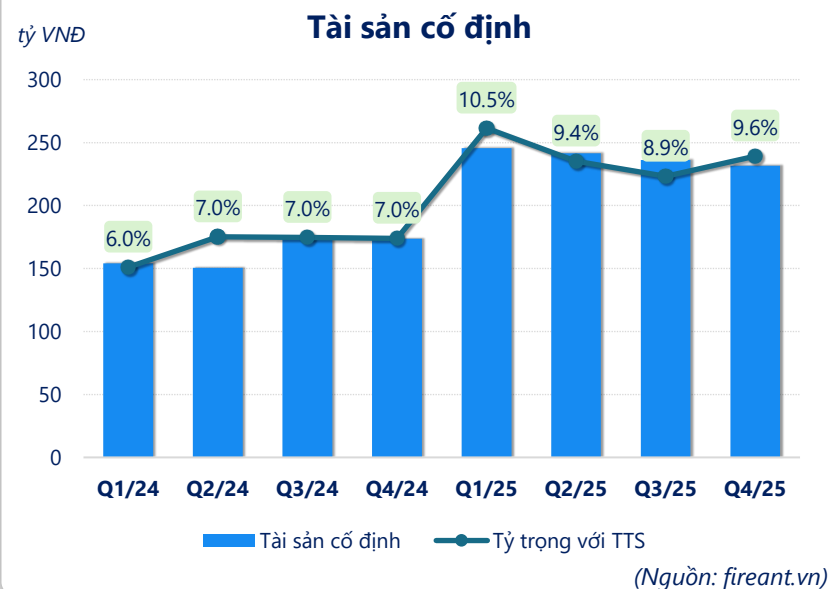
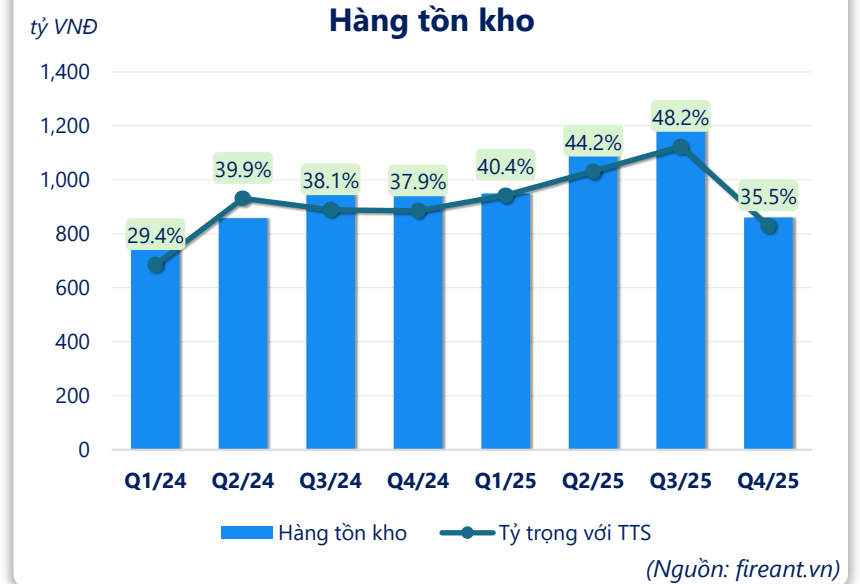
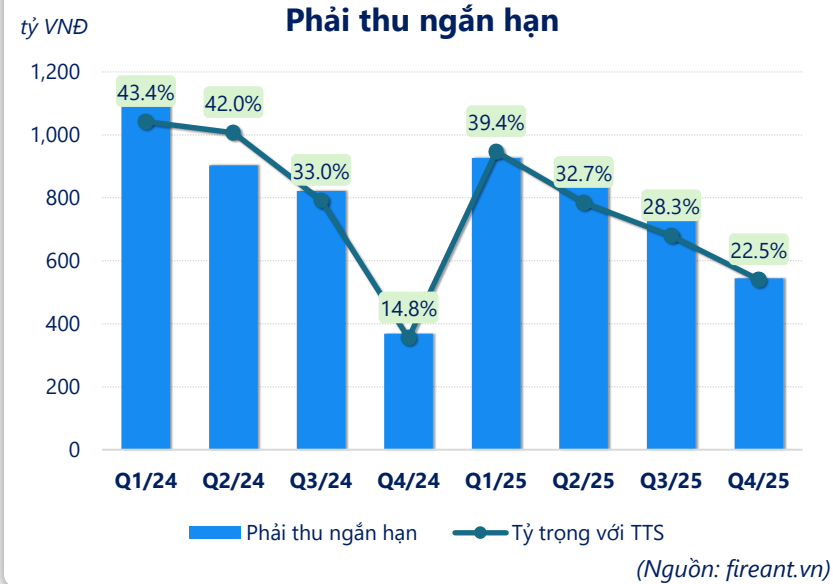
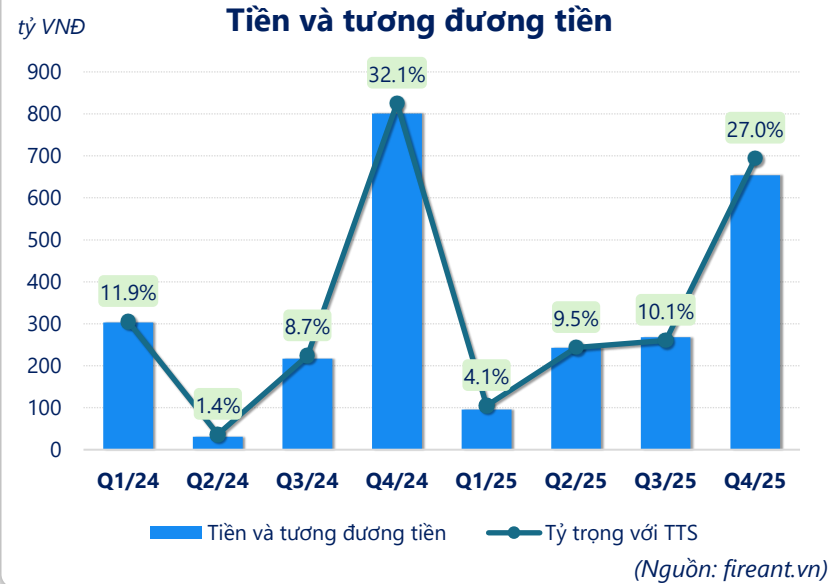
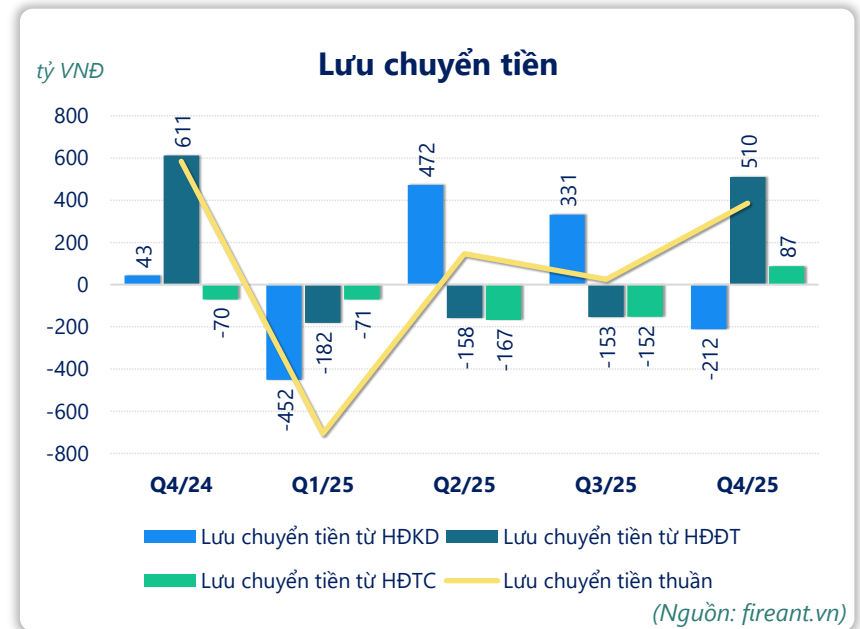
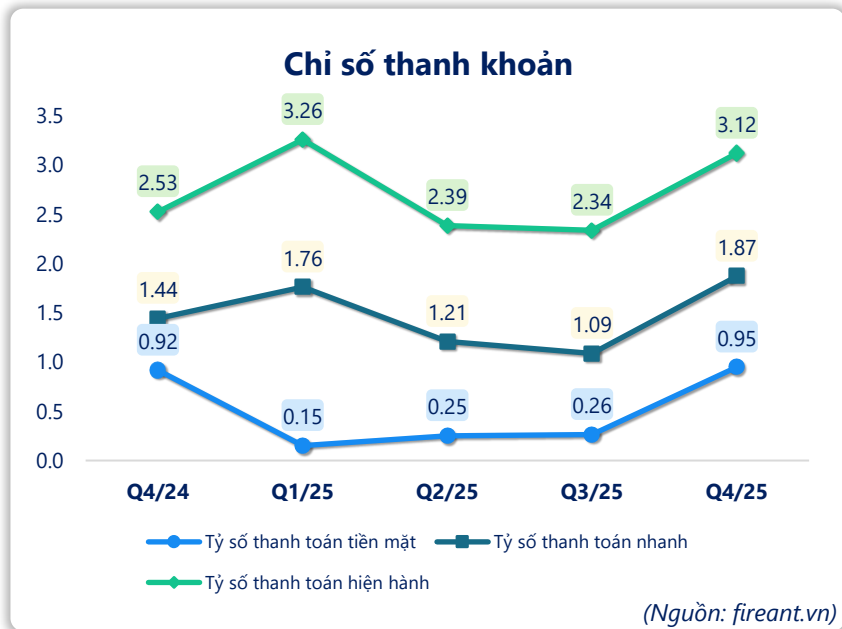
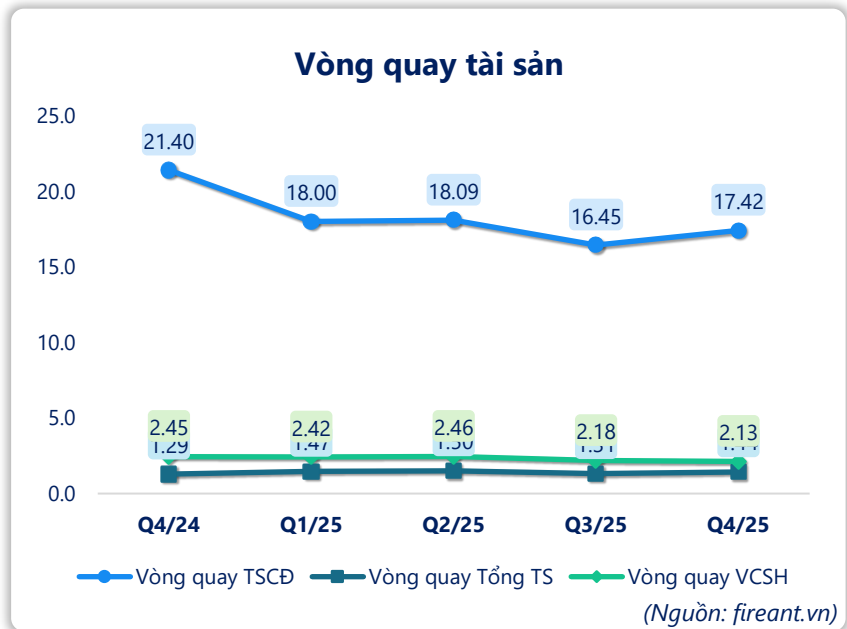
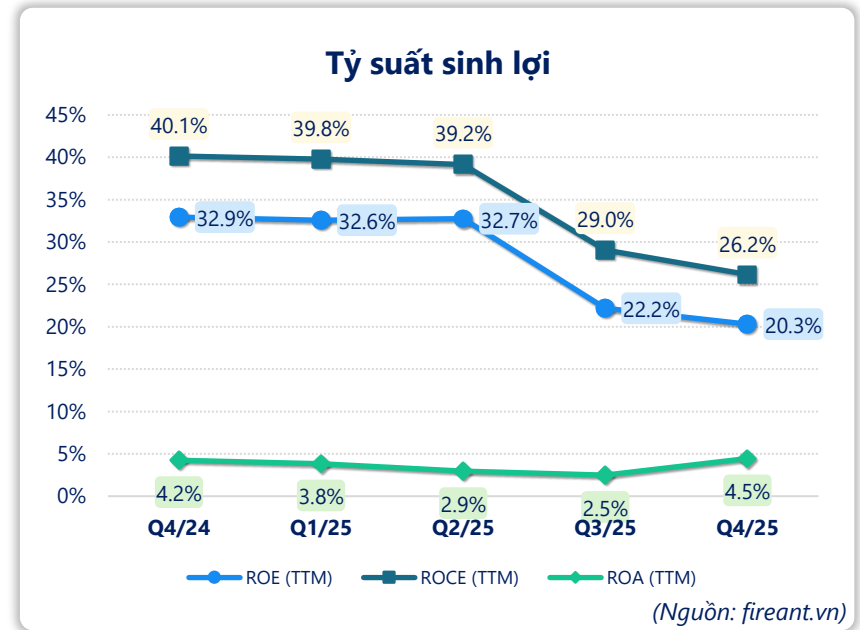
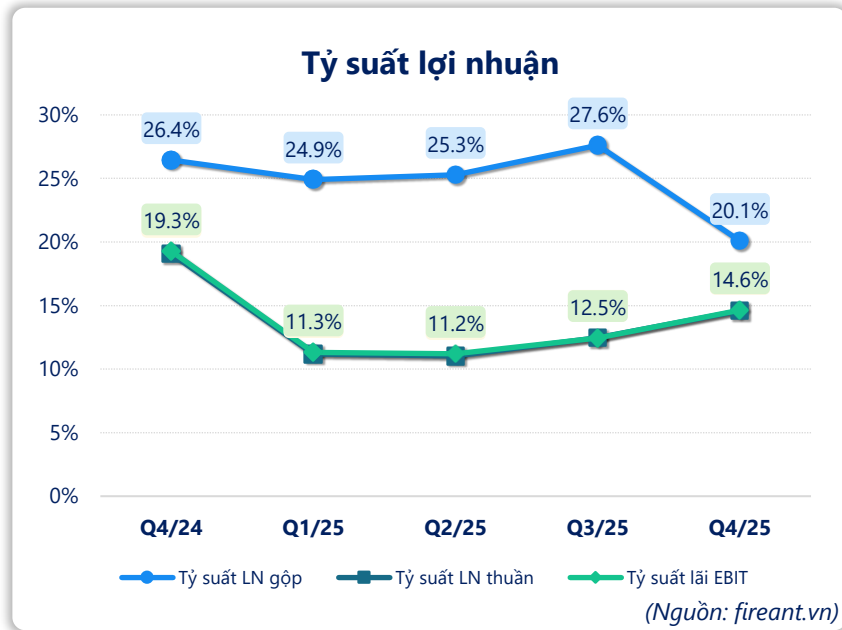
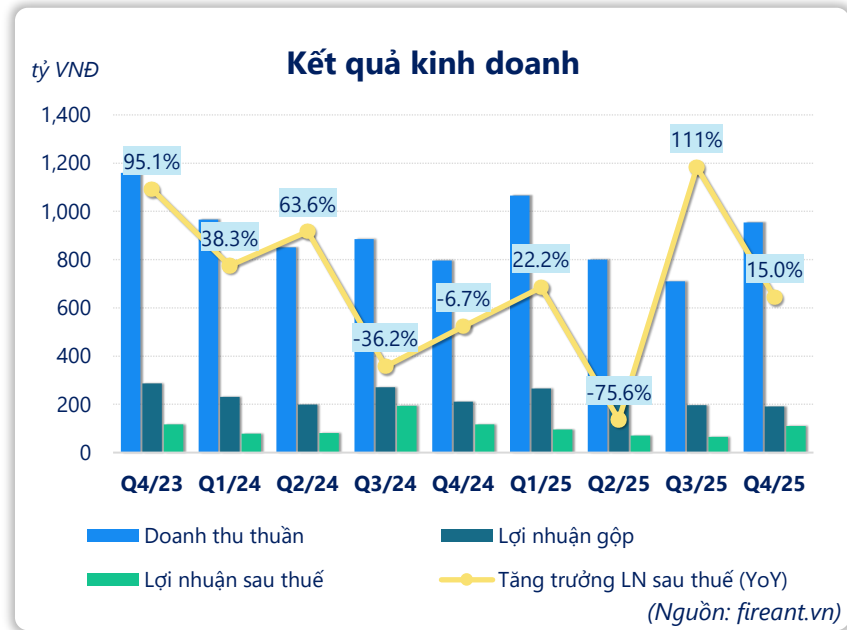


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		52,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		77,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		50,500
SL cổ phiếu LH		41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,605
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,194
P/E		6.5
EPS		8,082

	YTD	1T	3T	6T
VFG	-30.2%	-1.5%	-9.3%	-18.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,419	2,496	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	2,149	2,207	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	653	801	-18.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87.8	83.3	5.4%
Phải thu ngắn hạn	544	369	47.5%
Hàng tồn kho	860	946	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.19	8.10	-60.6%
Tài sản dài hạn	271	289	-6.2%
Phải thu dài hạn	2.54	2.00	26.8%
Tài sản cố định	232	250	-7.4%
Bất động sản đầu tư	13.3	14.1	-5.4%
Tài sản dở dang	3.87	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	19.5	22.6	-13.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	705	890	-20.8%
Nợ ngắn hạn	689	874	-21.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.4	172	-49.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	253	121	109%
Nợ dài hạn	15.8	16.3	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,715	1,606	6.8%
Vốn chủ sở hữu	1,715	1,606	6.8%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	796	1,066	800	711	954
Giá vốn hàng bán	585	800	598	514	762
Lợi nhuận gộp	210	266	202	196	192
Doanh thu HĐTC	72.8	18.6	19.1	13.2	12.8
Chi phí TC	8.94	6.75	9.22	22.8	3.47
Chi phí lãi vay	1.14	1.51	1.00	0.58	0.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	80.4	126	98.9	75.1	38.1
Chi phí QLDN	42.1	32.2	25.0	22.9	23.7
LN thuần từ HĐKD	152	119	88.3	88.6	139
Lợi nhuận khác	0.45	-0.11	0.37	-0.73	-0.32
LN trước thuế	152	119	88.6	87.9	139
Lợi nhuận sau thuế	116	95.2	70.3	65.5	111
LNST của CĐ cty mẹ	115	94.3	69.4	64.0	109

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.9	-452	472	331	-212
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	611	-182	-158	-153	510
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-69.9	-71.2	-167	-152	87.4
Tiền đầu kỳ	216	801	95.9	243	268
Lưu chuyển tiền thuần	584	-705	147	25.2	385
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.01	0.00	0.02	0.03
Tiền cuối kỳ	801	95.9	243	268	653

(Nguồn: fireant.vn)